

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự toán: Sửa chữa, bảo dưỡng tàu HQ 12-91-88 và cano HQ 12-01-89 năm 2026;
- Tên gói thầu: Sửa chữa, bảo dưỡng tàu HQ 12-91-88 và cano HQ 12-01-89 năm 2026;
- Chủ đầu tư: Chi cục Hải quan Khu vực III;
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý II năm 2026;
- Thời gian thực gói thầu: 75 ngày;
- Địa điểm thực hiện: Tại khu vực triển đả của đơn vị trúng thầu và các địa điểm có liên quan

II. Mục tiêu công việc:

- Bảo dưỡng các trang thiết bị cần thiết để cho người và phương tiện vận hành an toàn trong quá trình khai thác.
- Nâng cao hiệu quả tuần tra kiểm soát chống buôn lậu trên biển.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1.1. TỔNG QUAN VỀ TÀU HQ12-91-88

Tàu HQ12-91-88 là phương tiện phục vụ công tác tuần tra kiểm soát chống buôn lậu trên sông, biển của Chi cục Hải quan khu vực III:

- Vùng hoạt động: Biển Việt Nam
- Cấp Tàu: Hạn chế II
- Chiều dài lớn nhất: $L_{max} = 16,9$ (m)
- Chiều rộng: $B_{max} = 4,65$ (m)
- Chiều cao mạn: $D = 2,31$ (m)
- Chiều chìm lớn nhất: $d = 0.852$ (m)
- Lượng chiếm nước: $\Delta = 25.03$ (tấn)
- Máy chính: 02 máy Tổng công suất: 1204 (HP)
- Kiểu máy, hãng/ xuất xứ: CUMMINS QSM11 (Mỹ)
- Kết cấu thân vỏ : Hợp kim nhôm

Ngoài ra còn các thiết bị neo, lái, cứu sinh, thiết bị tín hiệu, hệ thống thiết bị điện, thiết bị vô tuyến điện, nghi khí hàng hải và thiết bị khác được thiết kế theo yêu cầu quy phạm.

A. Phần vỏ:

-Tàu HQ12-91-88 sản xuất năm 2017, lần bảo dưỡng, sửa chữa gần nhất năm 2025 đã được cơ quan Đăng kiểm Hải Quân cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy. Năm 2025 Tàu được đưa lên đà bảo trì bảo dưỡng tuy nhiên sau một thời gian sử dụng phần vỏ dưới mớn nước của Tàu han gỉ, bong tróc gây mất an toàn cho phương tiện và con người khi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ. Do đó trong lần sửa chữa này tàu vẫn được lên triển đà bảo dưỡng định kỳ phần dưới mớn nước và sơn dặm, sơn phủ 1 lớp theo quy trình hãng sơn.

B. Phần máy:

Theo nội dung Nhật ký vận hành máy của tàu HQ12-91-88. Cấp bảo dưỡng máy tàu thực hiện sau mỗi 500 giờ hoạt động, tuy nhiên tàu hoạt động ít và thời gian nổ máy chưa đến cấp bảo dưỡng định kỳ.

Một số phát sinh bảo dưỡng của máy phát điện cần phải xử lý.

C. Phần điện hàng hải:

Hiện nay, hệ thống điện hàng hải của Tàu cần bảo dưỡng định kỳ theo quy trình nhà sản xuất, tránh gây ảnh hưởng cho phương tiện khi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
I	PHẦN ĐÀ ĐỐC		
1	Lên xuống đà		Kéo phương tiện lên đà, căn kê vào vị trí để tiến hành khảo sát. Kéo hạ thủy tàu hoàn chỉnh.
2	Phục vụ khảo sát		Làm sạch thân vỏ phục vụ khảo sát.
II	PHẦN SƠN		
1	Phần ngâm nước	Hà bám nhiều, sơn bong tróc	Vệ sinh, chà sạch sẽ, rửa nước ngọt. Sơn 04 lớp theo quy trình của hãng sơn.
2	Phần mạn khô	Sơn bong tróc	Bắc dàn giáo, vệ sinh, chà sạch sẽ, rửa xà phòng 01 nước sơn phủ theo quy trình của hãng sơn.
3	Mặt boong chính & Thiết bị mặt boong: Hệ cửa, cột đèn, máy tời neo, nắm thông gió, đầu thông hơi, van, nắp ống đo và bộ đỡ các thiết bị	Sơn bong tróc	Kẻ lại vạch mớn nước. Sơn toàn bộ ký hiệu thước nước, vòng tròn đăng kiểm, vạch phù hiệu hải quan hiệu hai bên mạn.
4	Phần bên ngoài cabin và các phụ kiện đi kèm như nắp hầm hàng, các bộ thiết	Sơn bong tróc	Vệ sinh, chà sạch sẽ. Sơn dặm chống rỉ, phủ toàn bộ 01 nước màu theo quy định thiết bị.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
	bị, ống thông gió, thông hơi, lan can, van và thiết bị trên mặt boong (sơn theo màu của hệ thống)		
5	Sơn tên tàu, số hiệu tàu: Kê lại dòng chữ "HẢI QUAN VIỆT NAM" và "VIETNAM CUSTOMS" + logo	Bong tróc, bạc màu	"Sơn tên tàu, số hiệu tàu: Kê lại dòng chữ ""HẢI QUAN VIỆT NAM"" và ""VIETNAM CUSTOMS"" 02 bên mạn và hai bên cabin. Đường nước thước nước.
6	Khoang máy, hầm trục, hầm xích neo và xích neo	Vệ sinh định kỳ	Vệ sinh sạch dầu mỡ các khoang hầm; tháo, lắp các thiết bị có liên quan phục vụ sửa chữa.
7	Neo 50kg, xích neo D10x82m, Maní neo	Rỉ, sơn bong tróc	Tháo xông 01 đường xích. Gỡ rỉ, vệ sinh, sơn 01 nước sơn chống rỉ, 01 nước sơn màu đen cho neo + đường xích.
III	PHẦN VỎ		
1	"Đo siêu âm kiểm tra độ dày tôn vỏ, điền kết quả vào bản	Theo yêu cầu Đăng kiểm	Siêu âm đo chiều dày tôn theo quy định Đăng kiểm.
2	Tấm kẽm chống ăn mòn Kt 500x160xd80	Bị ăn mòn	+ Tháo thay mới 12 tấm chống ăn mòn cho tàu hợp kim nhôm loại khoan 02 lỗ bắt gu đồng kích thước 500x160xd80
3	Lớp	bị đứt	Bổ sung 04 lớp chống va
4	khung bằng ống thép mạ kẽm D26,65x2,5mm, dài L= 5m.	cong vênh	Nắn bị cong vênh ống thép mạ kẽm D26,65x2,5mm, dài L= 5m.
5	Lan can tàu đường kính ống D42x2,8mm x 2m + D34x2,8mm x 2m	Biến dạng cục bộ	Thay 02 đoạn lan can ống inox: D42x2m + 02 cắt D42 và D34x2m
6	"Nhôm đáy quanh hộp thông biển kt 2x(1,2x1,6m = 2m ²) + 16 m nhôm hình loại mở 50x5mm	Bị ăn mòn, rỗ	"+ Thay mới 65 kg nhôm đáy d6mm 5083 H112 hoặc 5083 H116 + nhôm hình: nẹp dọc đáy mở 50x5mm x 16m =15kg + ống nhôm: D178x12,7x320mm, 04 ống"
7	Hộp van thông biển	Bị ăn mòn, hà bám	" - Vệ sinh, gỡ rỉ, bảo dưỡng, thử áp lực, thay mới lưới chắn rác hộp van thông biển

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
			+ Hàn bịt tấm nhôm dày KT 500x500xd5+ hàn đầu ống lắp đường ống + Bơm thử áp lực khí hộp van P = 0,3KG/cm ² ; t = 30 phút"
IV	PHẦN ĐỘNG LỰC		
1	Máy chính chính CUMMINS/QSM11 610 ID, Công suất 602HP(=448,9KW), vòng quay lớn nhất 2300,	Định kỳ	"+ Vệ sinh thay lọc dầu nhớt, dầu đốt, vệ sinh sinh hàn, nước chống cáu cặn. + Chạy thử 03 giờ tại bến trước khi bàn giao"
2	Máy phát MDKDV Công suất 19 KW, năm sản xuất 2017	Định kỳ	"+ Vệ sinh thay lọc dầu nhớt, dầu đốt, vệ sinh sinh hàn, nước chống cáu cặn. + Chạy thử 03 giờ tại bến trước khi bàn giao"
3	Bơm vận chuyển dầu	rò dầu	Thay mới bơm vận chuyển dầu Model: Piusi Panther 56 - xuất xứ Ý; 56 lít/ phút, 500W x 400V x 2900v/p
4	Hệ trục chân vịt đường kính D85mm	Định kỳ	"- Tháo bu lông nối trục, đo độ gầy, độ lệch trục, lập bảng số liệu, lắp ráp lại hoàn chỉnh
5	Hệ ống bao trục chân vịt	Định kỳ	Tháo, vận chuyển, kiểm tra, thay thế chi tiết hỏng của ống bao trục chân vịt nếu có
6	Chân vịt: Bước cố định, đường kính 800mm, khối lượng 67 kg	Định kỳ	Tháo chân vịt; Vận chuyển chân vịt; Sửa chữa hư hỏng (nếu có); Đục xi măng trên mũ che ê cu chân vịt, tháo mũ che, tháo vành chắn rác, tháo ê cu chân vịt; Lắp ráp lại toàn bộ; Cân bằng tĩnh chân vịt
V	DỤNG CỤ CỨU SINH		
2	VHF cầm tay	hỏng	Thay mới VHF model: ICOM V86 Walkie-Talkie / tương đương
3	áo phao cứu sinh người lớn	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ
4	phao tròn cứu sinh thả nhanh	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ
5	phao tròn cứu sinh + 30m dây	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ
6	pháo hiệu dù	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ
7	đuốc cầm tay màu đỏ	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
8	đuốc cầm tay màu trắng	Định kỳ	Kiểm tra thay mới theo định kỳ
VI	PHẦN VAN ÓNG		
1	Van thông biển máy chính 10K-150	Bảo dưỡng định kỳ	Tháo van, chuyển về xưởng, tháo rã, vệ sinh bảo dưỡng, rà sửa, thay thế chi tiết hỏng, lắp lại.
2	Lọc thông biển 10K-150	Bảo dưỡng định kỳ	Tháo lọc, chuyển về xưởng, tháo rã, vệ sinh bảo dưỡng, thay thế chi tiết hỏng, lắp lại
VII	PHẦN ĐIỆN		
1	Hệ thống bảng điện chính: đồng hồ đo	Định kỳ	Kiểm định theo định kỳ
2	Mô tơ điện tời neo	hoạt động không ổn định	Thay mới 01 mô tơ điện model: ES-MN04-N; 2,2KW x 380V x 1430V/P; xuất xứ Việt Nam hoặc tương đương

3.1.2. TỔNG QUAN VỀ CA NÔ HQ12-01-89

Ca nô HQ12-01-89 là phương tiện phục vụ công tác tuần tra kiểm soát chống buôn lậu trên sông, biển của Chi cục Hải quan khu vực III:

- Vùng hoạt động: Biển Việt Nam
- Cấp Tàu: Cấp 3
- Chiều dài lớn nhất: $L_{max} = 6,73$ (m)
- Chiều rộng: $B_{max} = 2,20$ (m)
- Chiều cao mạn: $D = 0,95$ (m)
- Chiều chìm lớn nhất: $d = 0,38$ (m)
- Lượng chiếm nước: $\Delta = 2,39$ (tấn)
- Máy chính: 01 máy Tổng công suất: 200 (HP)
- Kiểu máy, hãng/ xuất xứ: Yamaha - Nhật Bản
- Kết cấu thân vỏ : Hợp kim nhôm

Ngoài ra còn các thiết bị neo, lái, cứu sinh, thiết bị tín hiệu, hệ thống thiết bị điện, thiết bị vô tuyến điện, nghi khí hàng hải và thiết bị khác được thiết kế theo yêu cầu quy phạm.

A. Phần vỏ:

-Ca nô HQ12-01-89 sản xuất năm 2017, lần bảo dưỡng, sửa chữa gần nhất năm 2025 đã được cơ quan Đăng kiểm Hải Quân cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy. Phương tiện vỏ tàu hợp kim nhôm, hoạt động trong môi trường nước mặn thì năm sử dụng thứ 6 là cấp bảo dưỡng, sửa chữa mang tính định kỳ, nhằm đảm bảo khả năng hoạt động bình thường của phương tiện đến lần sửa chữa tiếp theo. Năm 2025 Ca nô được đưa lên đà bảo trì bảo dưỡng tuy nhiên sau một thời gian sử dụng phần vỏ dưới mớn nước của Ca nô han gỉ, bong tróc gây mất an toàn cho phương tiện và con

người khi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ. Do đó trong lần sửa chữa này tàu vẫn được lên triển đà bảo dưỡng định kỳ phần vỏ dưới mớn nước, phần trên mớn nước sơn dạn và sơn phủ thao quy trình hãng sơn.

B. Phần máy:

Theo nội dung Nhật ký vận hành máy của Ca Nô HQ12-01-89. Cấp bảo dưỡng máy tàu thực hiện sau mỗi 500 giờ hoạt động, tuy nhiên tàu hoạt động ít và thời gian nổ máy chưa đến cấp bảo dưỡng định kỳ.

C. Phần điện hàng hải:

Hiện nay, hệ thống điện hàng hải của Ca nô cần bảo dưỡng định kỳ theo quy trình nhà sản xuất, tránh gây ảnh hưởng cho phương tiện khi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
I	PHẦN ĐÀ ĐỐC		
1	Lên xuống đà		Cầu chuyển xuống lên đà, căn kê vào vị trí để tiến hành khảo sát. Cầu hạ thủy tàu hoàn chỉnh.
2	Phục vụ khảo sát		Làm sạch thân vỏ phục vụ khảo sát.
II	PHẦN SƠN		
1	Phần ngâm nước	Sơn bong tróc	Mài chà, vệ sinh, sơn 04 nước sơn theo quy trình hãng sơn.
2	Phần sơn bên ngoài mạn khô	Sơn bong tróc	Mài chà, vệ sinh, bả matít phẳng toàn bộ bề mặt mạn, sơn 01 nước phủ màu xanh nước biển.
3	Mặt boong chính	Sơn bong tróc	Vệ sinh, chà sạch sẽ. Sơn dậm chống rỉ, phủ toàn bộ 01 nước màu đỏ nâu theo quy định của hãng sơn.
4	Mặt boong chính & Thiết bị mặt boong: Hệ cửa, cột đèn, máy tời neo, nắm thông gió, đầu thông hơi, van, nắp ống đo và bộ đỡ các thiết bị	Sơn bong tróc	Bọc dán hệ cửa, thiết bị cabin. Vệ sinh, chà sạch sẽ. Sơn dậm chống rỉ, phủ toàn bộ 01 nước màu xanh hòa bình theo quy định của hãng sơn.
5	Sàn sau lái, sàn sinh hoạt bên trong cabin	Sơn bong tróc	Vệ sinh, chà sạch sẽ. Sơn phủ 01 nước màu ghi theo quy định của hãng sơn.
6	Sơn kẻ vẽ, phù hiệu	Sơn bong tróc	"-Kẻ lại vạch mớn nước. Sơn toàn bộ ký hiệu thước nước, vòng tròn đăng kiểm, vạch phù hiệu hải quan hiệu hai bên mạn. Kẻ sơn mới 05 phù hiệu Hải Quan mạn tàu và cabin.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA
7	Vệ sinh toàn ca nô sau khi sửa chữa		Vệ sinh toàn bộ bên trong và ngoài xuồng trước và sau sửa chữa.
8	Mái chèo	nhôm	Thay thế 02 mái chèo nhôm
II	PHẦN VỎ, THIẾT BỊ		
1	Đo chiều dày nhôm		Siêu âm đo chiều dày theo quy định Đăng kiểm.
2	Thay tôn đáy	bị ăn mòn	Cắt tôn cũ, vệ sinh sạch sẽ, thay thế tôn mới 5,6m ² (60,8kg)
3	02 két xăng (nhôm)	Cấu cặn	Vệ sinh cặn bẩn
4	Con trạch D65x3,6m+ ốp nhôm D65 x 0,6m	Biến dạng cục bộ	Cao su con trạch D65mm x3,6m+ ốp nhôm D65x3mm x 600mm.
II	PHẦN MÁY		
1	Máy chính 200hp, 5000 v/p; Yamaha - Nhật Bản	Bảo dưỡng định kỳ	Tháo vệ sinh lọc dầu đốt, đầu nhòn, thay thế chi tiết hỏng nếu có: Cánh bơm nước biển, lọc nhớt, lọc nhiên liệu, vòng răng ống chỉ, Bạc đạn át piston và Ron quilat
2	Chân vịt	Sứt mẻ, cong vênh	thay mới chân vịt inox cho máy 200hp
3	Két xăng dự phòng + dây nhiên liệu	bổ sung	"+ két 20 lít ; nhựa kt: 46cm x35cm x 17cm
4	+ dây nhiên liệu nhựa 10mm x 3m"		
5	Dây buộc ca nô	bổ sung	Vật liệu: Nylon 9mm x 50m
III	PHẦN ĐIỆN		
1	Còi điện 12V	hỏng	Thay mới còi 12V, inox
2	VHF cầm tay	hỏng	Thay mới ICOM V86 Walkie-Talkie / tương đương

3.1.3. Mô tả dịch vụ, khối lượng tham khảo, thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật:

STT	Danh mục dịch vụ	Chủng loại vật tư/ quy cách	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
	SỬA CHỮA TÀU HQ 12-91-88			
I	Khảo sát chi tiết hiện trạng tàu để phục vụ thi công (thợ 4,5/7)			

1	Khảo sát động cơ		1,00	lần
2	Khảo sát hệ trục chân vịt		1,00	lần
3	Khảo sát hệ thống lái		1,00	lần
4	Khảo sát hệ thống neo		1,00	lần
5	Khảo sát hệ thống truyền động điều khiển ga số		1,00	lần
6	Khảo sát hệ thống cứu sinh cứu hỏa		1,00	lần
7	Khảo sát hệ thống điện		1,00	lần
	Vật tư			
	Giẻ lau		34,0	kg
	Dầu D.O		77,0	lít
II	PHẦN DỊCH VỤ CHUNG			
	* Phục vụ tàu lên triền, đà, vào ụ, đốc và hạ thủy (dự kiến 40 ngày)			
1	- Đưa tàu lên đà		1,00	ngày
2	- Dịch chuyển căn để kê phục vụ cho việc thay tôn		2,00	Lần

3	- Đưa tàu xuống đà		1,00	ngày
4	- Chi phí ngày tàu nằm đà		38,00	ngày
5	- Chi phí một lần bắc dựng cầu thang		1,00	lần
6	- Chi phí đấu, nối và tháo nguồn điện trong thời gian tàu nằm triền đà		1,00	lần
7	- Chi phí đấu, nối và tháo nguồn nước sinh hoạt		1,00	lần
8	- Chi phí đấu, nối và tháo nguồn nước cứu hỏa		1,00	lần
9	- Chi phí vận chuyển thu gom rác thải - tạm tính 40 lần (40 ngày nằm đà)		40,00	lần
	<u>Máy thi công:</u>	-		
	Xe cẩu bánh hơi 16T		2,00	ca
	Xe nâng 5 Tấn		2,00	ca
	Kích thủy lực 15 T		2,00	ca
	Tời điện 5 T		2,00	ca
	Kích nâng 100T		1,00	ca
	Tàu kéo 150cv		1,00	ca

<u>Vật tư</u>	-		
Đế căn thép		20,0	kg
Đinh đĩa 5 - 7 cm		0,3	kg
Gỗ nhóm IV		0,05	m ³
Bao dứa đựng cát loại 1		10,0	chiếc
Cát đóng bao làm căn		0,18	m ³
Dây thép mềm Φ1		1,1	kg
Que hàn Φ4		6,0	kg
Khí ga		4,0	kg
Ô xy (40l, 120at)		2,0	chai
Đá mài Φ125		2,0	viên
Nước ngọt		4,0	m ³
Mỡ bò		1,5	kg
Giẻ lau		7,0	kg

10	Vệ sinh tàu		1,00	công
	<i>Máy thi công</i>			
	Máy bơm 2,8kW		1,00	ca
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		1,00	ca
	<u><i>Vật tư</i></u>	-		
	Nước ngọt		3	m3
11	Lắp dựng giàn giáo ngoài tàu (100m2)		1,00	công
	<u><i>Vật tư</i></u>	-		
	Giáo thép		9,5	kg
	Gỗ nhóm IV		0,035	m3
III	PHẦN SƠN			
1	Sơn vỏ tàu phần ngâm nước			
1.1	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		80,00	m2
1.2	- Sơn 05 lớp sơn theo qui trình hãng sơn		400,00	m2

	Máy thi công			
	Máy khí nén phun sơn		400,00	m2
	Vật tư sơn			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		16,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		16,00	lít
	SigmaCover 555 (hoặc tương đương)		32,00	lít
	Sigma SailAdvance RX (hoặc tương đương)		3,20	lít
	Sigma SailAdvance RX (hoặc tương đương)		3,20	lít
	Nước ngọt		3,0	m3
2	Sơn phần mạn khô			
	- Màì chải tạo nhám bề mặt 100% diện tích		52,00	m2
	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		52,00	m2
	- Sơn 02 lớp dậm chống rỉ bề mặt 30% diện tích theo quy trình sơn của hãng		15,60	m2
	- Sơn 01 lớp theo quy trình hãng sơn		52,00	m2

	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		52,00	m2
	Máy khí nén phun sơn		67,60	m2
	Vật tư			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		5	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		5	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)		12	lít
	Giẻ lau		10,0	kg
	Đá giáp xếp		5,0	viên
	Bàn chải máy		4,0	chiếc
3	Mặt boong chính & Thiết bị mặt boong: Hệ cửa, cột đèn, máy tời neo, nắm thông gió, đầu thông hơi, van, nắp ống đo và bộ đỡ các thiết bị			
	- Mài chải tạo nhám bề mặt 100% diện tích		45,00	m2
	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		45,00	m2
	- Sơn 01 lớp theo quy trình hãng sơn		45,00	m2

	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		45,00	m2
	Máy khí nén phun sơn		45,00	m2
	Vật tư			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		5,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		5,00	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)		16,00	lít
	Giẻ lau		20,0	kg
	Đá giáp xếp		10,0	viên
	Bàn chải máy		8,0	chiếc
4	Phần bên ngoài cabin và các phụ kiện đi kèm như nắp hầm hàng, các bộ thiết bị, ống thông gió, thông hơi, lan can, van và thiết bị trên mặt boong (sơn theo màu của hệ thống)			
	- Mài chải tạo nhám bề mặt 100% diện tích		52,00	m2
	- Sơn dậm chống rỉ bề mặt 30% diện tích theo quy trình sơn của hãng		15,60	m2

	- Sơn 01 lớp theo quy trình hãng sơn		52,00	m2
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		52,00	m2
	Máy khí nén phun sơn		67,60	m2
	Vật tư			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		4,0	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)		4,00	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)		12,00	lít
	Giẻ lau		2,0	kg
	Đá giáp xếp		3,0	viên
	Bàn chải máy		2,0	chiếc
	Băng dính trắng bản rộng 50mm		10,00	cuộn
	Băng dính giấy (bản 25mm)		3,00	cuộn
5	Sơn tên, số hiệu, logo hải quan hiệu và dòng chữ:HQ12-91-88 "HẢI QUAN VIỆT NAM" và "VIETNAM CUSTOMS" 2 bên mạn		72,00	chữ

	- Kẻ lại vạch mốc nước		55,00	m
	- Sơn toàn bộ ký hiệu thước nước, vòng tròn đăng kiểm, vạch phù hiệu, hải quan hiệu hai mạn		1,00	tàu
	- Vẽ logo hải quan		1,00	bộ
	Vật tư			
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)		5,00	lít
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)		5,00	lít
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)		5,00	lít
	Con lăn sơn L200		5,00	chiếc
	Con lăn sơn loại nhỏ (không cán)		5,00	chiếc
	Giẻ lau		1,0	kg
	Đá giáp xếp		2,0	viên
	Bàn chải máy		2,0	chiếc
	Dung môi			
	Thinner 21-06	Dùng cho RX, SD550	18,0	lít

	Thinner 91-92	Dùng cho SP200, SC555	22,0	lít
6	Khoang máy, hàm trục, hàm xích neo và xích neo		30,00	m2
7	Neo 50kg, xích neo D10x82m		1,00	chiếc
IV	PHẦN VỎ			
1	Đo siêu âm kiểm tra độ dày tôn vỏ, điền kết quả vào bản vẽ khai triển tôn vỏ (100 điểm đo)		1,00	Lần
2	Thay mới kẽm chống ăn mòn thân vỏ			
	- Thay kẽm mới cho vỏ tàu kích thước: 500x160xd80		12,00	tấm
	<u>Máy thi công</u>	-		
	Máy hàn xoay chiều 23 KW		12,00	Ca
	Máy mài cầm tay 1 kW		12,00	Ca
	Kẽm chống ăn mòn	kích thước: 500x160xd80	12,00	tấm
	Gu đồng inox M14x60		24,00	bộ
3	Đệm chống va: Tháo phục vụ sửa chữa sau đó lắp lại.		6,00	chiếc
4	Khung dàn bạt sau lái			

	Lắp hàn bổ sung khung bằng ống thép mạ kẽm D26,65x2,5mm, dài L= 5m.		5,00	m
	<i>Vật tư</i>			
	Ống kẽm D26.65x2.5		5,00	m
	Gas		1,00	kg
	Ô xy (40l, 120at)		1,00	chai
	<u>Máy thi công</u>	-		
	Máy hàn xoay chiều 23 KW		0,10	Ca
	Máy mài cầm tay 1 kW		0,30	Ca
	Máy cắt ống 5 kW		0,30	Ca
5	Lan can tàu đường kính ống D42 x 2m + D32x 2m			
	đường kính ống D42 x 2m + D32x 2m		4,00	m
	<i>Vật tư</i>			
	Ống inox D42x2.8	D42x2.8	6,00	kg
	Ống inox D34x2.8	D34x2.8	6,00	kg

	Gas		1,00	kg
	Ô xy (40l, 120at)		1,00	chai
	<u>Máy thi công</u>	-		
	Máy hàn xoay chiều 23 KW		0,10	Ca
	Máy mài cầm tay 1 kW		0,30	Ca
	Máy cắt ống 5 kW		0,30	Ca
6	Nhôm đáy quanh hộp thông biển kt 2x(1,2x1,6m = 2m ²) + 16 m nhôm hình loại mỏ 50x5mm		80,00	kg
	Tháo rời các bộ phận, đường ống . Tháo toàn bộ khung, sàn la-canh khu vực hộp thông biển		4,00	chiếc
	Lắp ráp toàn bộ khung, sàn la-canh hầm máy. Lắp ráp các hệ ống, van hoàn chính		4,00	chiếc
	Thay ống nhôm: D178x12,7mm	D178x12,7mm x 320mm	22,78	kg
	<u>Vật tư</u>			
	Nhôm tấm 6mm	6mm	60,0	kg
	Nhôm hình	Mỏ 50x5mm	20,0	kg
	ống nhôm	D178x12,7mm x 320mm	22,78	kg

	Đá mài $\Phi 125$		0,022	viên
	Ô xy (40l, 120at)		0,1	chai
	Gas		0,2	kg
	Que hàn $\Phi 5$		1,5	kg
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		0,5	ca
	Máy hàn điện xoay chiều 23 Kw		0,5	ca
	Máy cắt cầm tay 1,7 Kw		0,05	ca
	Máy cắt nhôm tấm 15 kW		0,3	ca
7	Hộp van thông biển			
	- Vệ sinh, gỡ rỉ, bảo dưỡng, thử áp lực, thay mới lưới chắn rác hộp van thông biển		4,00	hộp
	+ Bơm thử áp lực khí hộp van P = 0,3KG/cm ² ; t = 30 phút		4,00	chiếc
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		4,00	ca

	Máy hàn điện xoay chiều 23 Kw		4,00	ca
	Máy cắt ống 5 kW		4,00	ca
	<i>Vật tư</i>	-		
	Khí ắc công (40 lít, 120 at)		0,33	chai
	Xà phòng bột VISO (hoặc tương đương)		0,50	kg
V	PHẦN ĐỘNG LỰC			
1	Máy chính chính CUMMINS/QSM11 610 ID, Công suất 602HP(=448,9KW), vòng quay lớn nhất 2300, năm sản xuất 2017			
	Chạy thử tại bến, kiểm tra toàn bộ hệ thống (Tính cho 01 lần thử). 03 giờ		2,00	chiếc
	<i>Vật tư</i>			
	Dầu D.O		347,45	lít
	Lọc dầu nhớt máy CUMMINS QSM 11 602CV(hoặc tương đương)		2	Cái
	Lọc dầu cháy máy CUMMINS QSM 11 602CV (hoặc tương đương)		2	Cái
	Dung dịch chống đóng cặn		60	lít
	Chất tẩy rửa sinh hàn AT 5400SH (hoặc tương đương)		5	lít

2	Máy phát MDKDV Công suất 19 KW, năm sản xuất 2017			
	Chạy thử tại bên, kiểm tra toàn bộ hệ thống (Tính cho 01 lần thử). 03 giờ		2,00	chiếc
	Vật tư			
	Dầu D.O		14,71	lít
	Lọc dầu nhớt máy ONAN 13,5kW (hoặc tương đương)		1	Cái
	Lọc dầu cháy máy ONAN 13,5kW (hoặc tương đương)		1	Cái
	Chất tẩy rửa sinh hàn AT 5400SH (hoặc tương đương)		5	lít
3	Bơm vận chuyển dầu		1,00	chiếc
	Lắp bơm dầu 56 lít/ phút		1,00	chiếc
	Vật tư			
	Mỡ bò		1,00	kg
	Que hàn $\Phi 5$		0,10	kg
	Bơm vận chuyển dầu	Model: Piusi Panther 56 - xuất xứ Ý; 56 lít/ phút, 500W x 400V x 2900v/p (hoặc tương đương)	1,00	chiếc
	Máy thi công			

	Máy hàn hơi 2000 l/h		0,50	ca
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		0,30	ca
	Máy cắt nhôm tấm 15 kW		0,30	ca
4	Hệ trục chân vịt đường kính D85mm		2,00	hệ
4,1	- Tháo bu lông nối trục, đo độ gầy, độ lệch trục, lập bảng số liệu, lắp ráp lại hoàn chỉnh		2,00	hệ
4,4	- Tháo rút trục đưa ra ngoài, tháo rời các chi tiết, vệ sinh, kiểm tra, lập bảng số liệu, lắp ráp lại hoàn chỉnh		2,00	hệ
4,11	- Tháo lưới chắn rác của cổ trục, vệ sinh, kiểm tra, lắp ráp hoàn chỉnh		2,00	hệ
4,12	- Tháo, kiểm tra, thay thế chi tiết mới của ống bao trục chân vịt, giá chữ nhân. (tính cho 01 ống bao trục)		2,00	hệ
	<i>Máy thi công</i>			
	Máy hàn điện xoay chiều 23 Kw		2,00	ca
	Máy tiện 10 Kw		2,00	ca
5	Hệ ống bao trục chân vịt		2,00	hệ
	Tháo, vận chuyển, kiểm tra, thay thế chi tiết hỏng của ống bao trục chân vịt		2,00	hệ
	<u>Vật tư</u>			

	Giẻ lau		10,00	kg
	Axe ton		60,00	kg
	<i>Máy thi công</i>			
	Máy hàn điện xoay chiều 23 kW		2,00	ca
6	Chân vịt: Bước cố định, đường kính 800mm, khối lượng 67 kg			
	Tháo chân vịt; Vận chuyển chân vịt; Sửa chữa hư hỏng (nếu có); Đục xi măng trên mũ che ê cu chân vịt, tháo mũ che, tháo vành chắn rác, tháo ê cu chân vịt; Lắp ráp lại toàn bộ; Cân bằng tĩnh chân vịt		2,00	cái
	<i>Máy thi công</i>			
	Cầu bánh xích 5T		2,00	ca
	Pa lăng 3 tấn		2,00	ca
	Máy mài cầm tay 2,7 Kw		2,00	ca
	Đèn hàn 2000l/giờ		2,00	ca
	<u>Vật tư</u>			
	Axe ton		60,00	kg
	Ô xy (40l, 120at)		20,00	chai

	Khí ga		40,00	kg
	Giẻ lau		10,00	kg
VI	DỤNG CỤ CỨU SINH			
2	VHF cầm tay		1,00	chiếc
	<i>Vật tư</i>			
	VHF cầm tay	ICOM V86 Walkie-Talkie / tương đương (hoặc tương đương)	1,00	chiếc
	áo phao cứu sinh người lớn		16,00	chiếc
	phao tròn cứu sinh thả nhanh		2,00	chiếc
	phao tròn cứu sinh + 30m dây		2,00	chiếc
	pháo hiệu dù		6,00	chiếc
	đuốc cầm tay màu đỏ		6,00	chiếc
	đuốc cầm tay màu trắng		3,00	chiếc
VII	PHẦN VAN ỐNG			
	Hệ đường ống và van trong buồng máy			

1	* Van thông biển máy chính 10K-150: Tháo van, chuyển về xưởng, tháo rã, vệ sinh bảo dưỡng, rà sửa, thay thế chi tiết hỏng, lắp lại		2,00	chiếc
	<i>Máy thi công</i>			
	Máy thử áp lực		2,00	ca
	<u>Vật tư</u>	-		
	Giẻ lau		3,75	kg
	Hóa chất AT 5400 (hoặc tương đương)		7,50	binh
	Mỡ bò		2,50	kg
	Sơn HP (hoặc tương đương)		2,50	lít
	Cát rà	(hộp loại 0,5 kg)	5,00	hộp
	Bu lông Inox M14x120		12	bộ
	Bu lông Inox M10x40		100	bộ
	Cước chà		20	kg
	Con lăn sơn L200		5	chiếc
	Bia canh crich 5 ly (hoặc tương đương)		1	m2

2	* Lọc thông biển 10K-150: Tháo van, chuyển về xưởng, tháo rã, vệ sinh bảo dưỡng, thay thế chi tiết hỏng, lắp lại		2,00	chiếc
	<i>Máy thi công</i>			
	Máy thử áp lực		2,00	ca
	<u>Vật tư</u>	-		
	Bu lông + ê cu + đệm M12x60		2,00	bộ
	Giẻ lau		0,75	kg
	Hóa chất AT 5400 (hoặc tương đương)		1,50	binh
	Mỡ bò		0,50	kg
	Sơn HP (hoặc tương đương)		0,50	lít
	Cát rà	(hộp loại 0,5 kg)	1,00	hộp
VIII	PHẦN ĐIỆN			
1	Hệ thống bảng điện chính			
	kiểm định đồng hồ		8,00	chiếc
2	Mô tơ điện tời neo 2,2kw		1,00	chiếc

	<i>Vật tư</i>			
	Mô tơ điện	model: ES-MN04-N; 2,2KW x 380V x 1430V/P; xuất xứ Việt Nam (hoặc tương đương)	1,00	chiếc
	Máy thi công			
	Máy hàn hơi 2000 l/h		0,50	ca
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		0,30	ca
	Máy cắt nhôm tấm 15 kW		0,30	ca
STT	Danh mục dịch vụ	Chủng loại vật tư/ quy cách	Khối lượng	Đơn vị tính
	SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ CA NÔ HQ12-01-89			
I	PHẦN DỊCH VỤ CHUNG			
1	Công tác triển dầ			
	- Cầu ca nô lên và xuống triền		2,0	lượt
	- Ngày nằm trên triền có mái che, cầu cảng		15,0	ngày
	- Chi phí vận chuyển đi và về (Thuê ngoài)		2,0	lượt
	<u>Máy thi công: Phục vụ tàu lên triền, dầ, vào u, đốc và hạ thủy</u>	-		
	Xe cẩu bánh hơi 16T		2,0	ca
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Bao dứa đựng cát loại 1	400x200	10,0	Chiếc
	Cát đóng bao làm căn	Việt Nam	0,18	m3
II	PHẦN SƠN			
1	Phần sơn vỏ ngoài phần dưới mớn nước			
	- Làm sạch bề mặt bằng nạo ri và máy mài		13,0	m2

	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		13,0	m2
	- Sơn 05 lớp sơn theo qui trình hãng sơn		39,0	m2
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		13,0	ca
	Máy khí nén phun sơn 5m3/h		39,0	ca
	<i>Vật tư sơn</i>			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	YellowGreen/ Grey	5,0	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Grey/ YellowGreen	5,0	lít
	SigmaCover 555 (hoặc tương đương)	Black	4,0	lít
	Sigma SailAdvance RX (hoặc tương đương)	RedBrown/ Brown	4,0	lít
	Sigma SailAdvance RX (hoặc tương đương)	RedBrown/ Brown	4,00	lít
	Nước ngọt		2,00	m3
	Con lăn sơn L200		2,00	chiếc
	Bàn chải máy	A60 - 100x16	3,00	chiếc
	Đá giáp xếp	D90-120	1,00	viên
	Giẻ lau		2,00	kg
2	Mặt khô			
	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		14,0	m2
	- Sơn 01 lớp sơn phủ theo quy trình hãng sơn		14,0	m2
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		14,0	ca
	Máy khí nén phun sơn 5m3/h		14,0	ca
	Vật tư tiêu hao			
	Bột bả matít		2,00	hộp
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	YellowGreen/ Grey	5	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Grey/ YellowGreen	5	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)	RAL 5013 (hoặc tương đương)	12	lít
	Con lăn sơn L200		2,00	chiếc
	Bàn chải máy	50mm	3,00	chiếc
3	Mặt boong chính, khoang lái			

	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		7,5	m2
	- Sơn 01 lớp sơn phủ theo quy trình hãng sơn		7,5	m2
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		7,5	ca
	Máy khí nén phun sơn 5m3/h		7,5	ca
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	YellowGreen/ Grey	1,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Grey/ YellowGreen	1,00	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)	RedBrown 6179 (hoặc tương đương)	2,00	lít
	Đề can biểu tượng hải quan		5,00	bộ
	Con lăn sơn L200	50mm	2,00	chiếc
	Bàn chải máy	L200 (loại có cán)	3,00	chiếc
4	Mặt ngoài xung quanh cabin, cột đèn			
	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		12,0	m2
	- Sơn 01 lớp sơn phủ theo quy trình hãng sơn		12,0	m2
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		12,0	ca
	Máy khí nén phun sơn		12,0	ca
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	YellowGreen/ Grey	1,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Grey/ YellowGreen	1,00	lít
	SigmaDur 550 (hoặc tương đương)	RAL 5012 (hoặc tương đương)	3,00	lít
	Con lăn sơn L200		2,00	chiếc
	Bàn chải máy		3,00	chiếc
5	Sàn sau lái, sàn sinh hoạt bên trong cabin			
	- Rửa nước ngọt 100% diện tích		3,0	m2
	- Sơn 01 lớp sơn phủ theo quy trình hãng sơn		3,0	m2
	Máy thi công			

	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		3,0	ca
	Máy khí nén phun sơn		3,0	ca
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Sigmaprime 200	1,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Sigmaprime 200	1,00	lít
	Sigmaprime 200 (hoặc tương đương)	Sigmaprime 200	1,00	lít
	Con lăn sơn L200 (hoặc tương đương)		1,00	chiếc
	Bàn chải máy		1,00	chiếc
	Dung môi			
	Thinner 21-06 (hoặc tương đương)	Dùng cho RX, SD550	3,00	lít
	Thinner 91-92 (hoặc tương đương)	Dùng cho SP200, SC555	6,00	lít
6	Kẻ lại đường nước, thước nước, vòng tròn đăng kiểm, số hiệu tàu		16,0	chữ
	- Sơn vạch mớn nước			
	- Sơn toàn bộ ký hiệu mớn nước 2 mạn			
	- Sơn tên tàu, số hiệu			
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)	White	5	lít
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)	Red 6188	5	lít
	Sigmarine 48 (hoặc tương đương)	Yellow 3138	5	lít
	Bút sơn dẹt	Artline EK - 400XF (hoặc tương đương)	1,0	chiếc
7	Vệ sinh toàn tàu sau khi sửa chữa			
	- Dùng giẻ lau, nước xà phòng, hóa chất máy hút bụi công nghiệp vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài xưởng sau khi sửa chữa xong		46,5	m2
	<i>Vật tư tiêu hao</i>			
	Xà phòng		2,0	kg
	Giẻ lau		5,0	kg
III	PHẦN VỎ, THIẾT BỊ			
1	Đo siêu âm kiểm tra độ dày tôn vỏ, điền kết quả vào bản vẽ khai triển tôn vỏ (50 điểm)		1,0	Lần

2	Con trạch			
	Ốp bổ sung ngoài con trạch khu vực mũi bằng nhôm 3mm, SL= 0,2m2.		1,7	kg
	Vật tư			
	Nhôm tấm 3mm		1,7	kg
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		0,5	ca
	Máy hàn điện xoay chiều 23 Kw		0,5	ca
	Máy cắt cầm tay 1,7 Kw		0,0	ca
	Máy cắt nhôm tấm 15 kW		0,3	ca
3	Nhôm đáy			
	Thay thế nhôm đáy bị ăn mòn $d=2,8m^2 = 2 \times 30,4kg$		60,8	kg
	Vật tư			
	Nhôm tấm 4mm		60,8	kg
	Đá mài $\Phi 125$		0,017	viên
	Ô xy (40l, 120at)		0,1	chai
	Gas		0,1	kg
	Que hàn $\Phi 5$		1,1	kg
	Máy thi công			
	Máy mài cầm tay 1,0 Kw		0,5	ca
	Máy hàn điện xoay chiều 23 Kw		0,5	ca
	Máy cắt cầm tay 1,7 Kw		0,05	ca
	Máy cắt nhôm tấm 15 kW		0,3	ca
IV	PHẦN MÁY			
1	Máy chính YAMAHA, công suất 200hp			
	Tháo vệ sinh, bảo dưỡng sinh hàn, bơm nước biển, chế hòa khí, hệ dầu máy, thay mới các chi tiết hỏng.		1,0	máy
	Vật tư			
	Dây nhiên liệu	10mm x 3m YAMAHA 200 (hoặc tương đương)	1,0	bộ
	Lọc nhớt	Onan, Mã 0122-0810 (hoặc tương đương)	1,0	chiếc

	Vòng răng ống chi(NUT)	YAMAHA 200 (hoặc tương đương)	1,0	chiếc
	Bạc đạn ắt piston	YAMAHA 200 (hoặc tương đương)	1,0	chiếc
	Chân vịt inox 200hp	inox 200hp	1,0	chiếc
	Giẻ lau		5,0	Kg
	Giấy ráp mịn		3,0	Tờ
2	kết xăng dự phòng 24l	nhựa kt: 46cm x32cm x 26cm	2,0	chiếc
3	Mái chèo	Nhôm INTEX 69625 (hoặc tương đương)	2,0	chiếc
4	Dây buộc ca nô	9mm x 50m, Nylon	1,0	chiếc
5	Thùng đựng đồ nghề+ dụng cụ	Inox, kt: 50x20x20 cm	1,0	chiếc
V	PHẦN ĐIỆN			
	Còi điện 12V	inox 12v	1,0	chiếc
	VHF cầm tay	ICOM V86 Walkie-Talkie / tương đương (hoặc tương đương)	1,0	chiếc

3.1.4. Yêu cầu khác

- Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trong thiết kế. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình thi công theo quy định của pháp luật bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

- Nhà thầu cam kết nếu để xảy ra sự cố về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các sự việc xảy ra;

- Nếu để xảy ra sự cố, làm chậm tiến độ hoặc vi phạm pháp luật do lỗi của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng đến uy tín của Chủ đầu tư thì phải bồi thường cho Chủ đầu tư 100% giá trị thiệt hại.

- Đảm bảo tiến độ thực hiện các nội dung công việc đúng thời gian quy định;

- Đảm bảo bố trí đầy đủ nhân lực, thiết bị để thực hiện tốt các nội dung công việc theo đúng phạm vi yêu cầu;

- Đảm bảo các biện pháp bảo hộ trong quá trình thực hiện sửa chữa như: Biện pháp an toàn phòng chống cháy nổ; trong quá trình thực hiện phải là theo đúng chỉ dẫn về vận hành an toàn về điện và phòng chống cháy nổ; các quy định về an ninh, an toàn trong khu vực thực hiện;

Lưu ý:

- Thông tin Nguồn gốc xuất xứ các thiết bị chỉ mang tính tham khảo. Khái niệm “trương đương” nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng, thay thế đối với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu; phải được Cơ quan Đăng kiểm chấp thuận, cấp Giấy chứng nhận cho phép hoạt động sau khi hoàn thành thi công sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện.

- Giá gói thầu được Chi cục Hải quan khu vực III (Chủ đầu tư) áp dụng mức thuế GTGT là 8%. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói thầu này chào giá áp dụng mức thuế suất GTGT là 8% cho tất cả các vật tư, thiết bị, dịch vụ làm cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng.

- Theo dự toán được phê duyệt Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu HQ 12-91-88 là 801,1 triệu đồng và cano HQ 12-01-89 là 187,4 triệu đồng. Nhà thầu căn cứ vào chi phí trên để đưa ra giá dự thầu cho phù hợp.

3.1.5. Quy chuẩn áp dụng:

Vật liệu, vật tư, phụ tùng	Quy chuẩn - Tiêu chuẩn
Vật liệu sắt - hàn	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 2: kết cấu thân tàu và trang thiết bị
Vật liệu sơn	Tiêu chuẩn của hãng sơn
Vật tư, phụ tùng thay thế cho máy chính, máy phát điện	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 3: Hệ thống máy tàu và các tiêu chuẩn của hãng sản xuất
Vật liệu cho hệ thống van, ống	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 3: hệ thống máy tàu
Vật liệu cho phần điện tàu	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 4: Trang bị điện
Các trang bị an toàn tàu biển	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 8: Trang bị an toàn

3.1.6. Quy định về thi công, nghiệm thu sản phẩm:

Loại hình công việc	Quy chuẩn - Tiêu chuẩn
Công tác dịch vụ chung:	
Triển đà đảm bảo phục vụ sửa chữa	
Cầu tàu phục vụ neo đậu, thử máy tại bến an toàn	
Công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, nghiệm thu kỹ thuật phần thân tàu:	
Công tác làm sạch vỏ tàu	ISO 8501-1:1998
Công tác sơn	Theo tiêu chuẩn của Hãng sơn

Công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, nghiệm thu kỹ thuật sắt hàn	QCVN 54:2019/BGTVT - Phần 2: kết cấu thân tàu và trang thiết bị
Công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phụ tùng phần máy	QCVN54:2019/BGTVT- phần 3: Hệ thống máy tàu
Công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phụ tùng phần hệ trục chân vịt, thiết bị lái	QCVN54:2019/BGTVT- phần 3: Hệ thống máy tàu (chương 5- Hệ trục, chân vịt, Chương 9: Thiết bị lái.)
Công tác sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị máy phụ, đường ống, van	QCVN54:2019/BGTVT- phần 3: chương 7: Hệ thống máy phụ và đường ống
Sửa chữa bảo dưỡng các máy phát, các động cơ điện và hệ thống điện	QCVN54:2019/BGTVT- phần 4: Trang bị điện
Các trang thiết bị cứu sinh	QCVN54:2019/BGTVT- phần 8: Trang bị an toàn
Các thiết bị nghi khí hàng hải	QCVN 54:2019/BGTVT- phần 8: chương 3 và chương 4

IV. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương III, Nhà thầu thuyết minh chi tiết các nội dung công việc, phạm vi cung cấp dịch vụ đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT.

V. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu:

- Chi cục Hải quan Khu vực III có quyền cử người giám sát, kiểm tra các nội dung về tiêu chí kỹ thuật, các yêu cầu thực hiện dịch vụ để đánh giá chất lượng công việc theo quy định của E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với yêu cầu tại Mục 3 Chương V của E-HSMT.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, giám sát do Chi cục Hải quan Khu vực III chỉ định.

- Trường hợp việc thực hiện dịch vụ không phù hợp với yêu cầu của E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng, Chi cục Hải quan Khu vực III có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu của E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh dịch vụ thực hiện không phù hợp, Chi cục Hải quan Khu vực III có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

- Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay nghĩa vụ khác của nhà thầu đã quy định tại E-HSMT, E-HSDT và hợp đồng.

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình phải chuẩn bị và nộp hồ sơ thanh toán theo quy định.

- Bất cứ một dịch vụ qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ...theo yêu cầu trong E- HSMT, thì Chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các dịch vụ hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí đến khi đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

- Trong trường hợp nhà thầu không khắc phục được sự cố, không đáp ứng được tiến độ cung cấp, thời gian và tiến độ thay thế cũng như không đạt chất lượng dịch vụ như yêu cầu thì nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng và bị công bố nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ/ không hoàn thành hợp đồng/ vi phạm hợp đồng do lỗi nhà thầu.